

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH PHÚ YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 770/QĐ-UBND

Phú Yên, ngày 17 tháng 4 năm 2017

### **QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc quy định tiêu chuẩn, định mức về máy móc, thiết bị chuyên dùng  
của các cơ quan, tổ chức, đơn vị trên địa bàn tỉnh**

#### **CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ YÊN**

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản nhà nước ngày 03/6/2008;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 52/2009/NĐ-CP ngày 03/6 /2009 về việc quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản nhà nước; số 04/2016/NĐ-CP ngày 06/01/2016 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 52/2009/NĐ-CP ngày 03/6 /2009;

Căn cứ Quyết định số 58/2015/QĐ-TTg ngày 17/11/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc quy định tiêu chuẩn, định mức, chế độ quản lý, sử dụng máy móc, thiết bị của cơ quan nhà nước, tổ chức, đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Thông tư số 19/2016/TT-BTC ngày 01/02/2016 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn một số nội dung của Quyết định số 58/2015/QĐ-TTg ngày 17/11/2015 của Thủ tướng Chính phủ;

Căn cứ Nghị quyết số 46/2016/NQ-HĐND ngày 15/7/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc phân cấp quản lý nhà nước đối với tài sản nhà nước tại các cơ quan hành chính, tổ chức, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi tỉnh quản lý;

Căn cứ Công văn số 86/HĐND-KTNS ngày 07/4/2017 của Thường trực HĐND tỉnh về việc phân bổ kinh phí cho Trường Chính trị và ban hành quy định tiêu chuẩn, định mức về máy móc, thiết bị chuyên dùng của các cơ quan, tổ chức, đơn vị trên địa bàn tỉnh;

Theo đề nghị của Sở Tài chính tại Tờ trình số 833/TTr-STC ngày 24/3/2017,

#### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành quy định tiêu chuẩn, định mức về máy móc, thiết bị chuyên dùng (số lượng, chủng loại, mức giá) có giá mua từ 500 triệu đồng/01 đơn vị tài sản trở lên của các cơ quan, tổ chức, đơn vị trên địa bàn tỉnh. *Chi tiết theo Phụ lục đính kèm.*

**Điều 2.** Các cơ quan, tổ chức, đơn vị có phát sinh thêm tài sản, cơ quan chủ quản, UBND các huyện, thị xã, thành phố có trách nhiệm kiểm tra, rà soát gửi Sở Tài chính tổng hợp, báo cáo trình Chủ tịch UBND tỉnh bổ sung thực hiện.

**Điều 3.** Giao Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với cơ quan liên quan trình UBND tỉnh ban hành quy chế về quản lý, sử dụng máy móc, thiết bị của cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi tỉnh quản lý.

**Điều 4.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban, ngành và Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Chí Hiến**

**PHỤ LỤC I:**  
**TIÊU CHUẨN, ĐỊNH MỨC MÁY MÓC, THIẾT BỊ CHUYÊN DỤNG CÓ GIÁ TỪ 500 TRIỆU ĐỒNG TRỞ**  
**LÊN/01 ĐƠN VỊ TÀI SẢN**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 770/QĐ-UBND ngày 17/4/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh)*

TT	Tên máy móc, thiết bị chuyên dùng	Đơn vị tính	Số lượng tối đa	Mức giá tối đa (đồng)	Mục đích sử dụng
<b>1</b>	<b>Sở Khoa học và Công nghệ</b>				
<b>1.1</b>	<b>Văn phòng Chi cục Tiêu chuẩn - Đo lường - Chất lượng</b>				
-	Thiết bị máy kiểm tra hàm lượng vàng (Máy phổ kế huỳnh quang tia X)	Cái	1	1,100,000,000	Phân tích thành phần nguyên tố của các sản phẩm vàng
<b>1.2</b>	<b>Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn - Đo lường - Chất lượng</b>				
-	Hệ thống máy sắc ký khí (GC)	Hệ thống	1	1,340,000,000	Xác định nồng độ, nguyên tố có trong mẫu đem phân tích với hàm lượng rất nhỏ
-	Máy AAS (Quang kế hấp thụ nguyên tử)	Cái	1	800,000,000	Xác định nồng độ nguyên tố có trong mẫu phân tích
<b>2</b>	<b>Sở Công thương</b>				

-	Bộ Thiết bị đo	Bộ	1	960,000,000	Phục vụ cho hoạt động kiểm toán năng lượng
<b>3</b>	<b>Ban Bảo vệ, chăm sóc sức khoẻ cán bộ tỉnh</b>				
-	Máy siêu âm màu	Bộ	1	1,613,000,000	Phục vụ cho hoạt động chuyên môn của Ban
-	Máy X quang	Bộ	1	3,100,000,000	
-	Máy xét nghiệm sinh hóa tự động	Bộ	1	1,250,000,000	
-	Bộ ghế khám răng hàm mặt	Bộ	1	800,000,000	
-	Máy siêu âm xách tay	Bộ	1	2,250,000,000	
-	Máy đo lưu huyết não	Bộ	1	650,000,000	
<b>4</b>	<b>Sở Giao thông vận tải</b>				
<b>4.1</b>	<b>Thanh tra Giao thông vận tải</b>				
-	Bộ cân kiểm tra tải trọng xe (Gồm: bộ cân lưu động, máy tính, máy tin...)	Bộ		670,000,000	Phục vụ công tác kiểm tra tải trọng xe ô tô
<b>4.2</b>	<b>Trung tâm Đăng kiểm 7801-S</b>				
-	Thiết bị kiểm tra phanh Maha	Bộ	1	1,550,000,000	Kiểm tra trọng lượng cân, lực...
<b>5</b>	<b>Sở Lao động - Thương binh và Xã hội</b>				

<b>5.1</b>	<b>Trường Trung cấp nghề TNDT tỉnh</b>				
-	Máy tiện CNC	Cái	1	1,050,000,000	Tiện kim loại phục vụ dạy nghề kỹ thuật máy
<b>6</b>	<b>Đài phát thanh và truyền hình Phú Yên</b>				
-	Máy phát sóng 2,5kW	Cái	1	900,000,000	Phát sóng, phát thanh
-	Máy phát FM 5 KW	Hệ thống	1	2,010,000,000	Phát sóng, phát thanh
-	Hệ thống thiết bị tải giả + bộ chuyển mạch	Hệ thống	1	1,100,000,000	Thiết bị thay thế Ănten khi dùng sửa chữa
-	Máy phát thanh FM 5kW	Hệ thống	1	2,700,000,000	Phát sóng, phát thanh
-	Hệ thống thiết bị xe thu phát thanh lưu động	Hệ thống	1	1,250,000,000	Phát thanh trực tiếp, lưu động
-	Hệ thống (Gồm: bộ thu, phát từ hiện trường về đài. Phát sóng Chóp Chài)	Hệ thống	1	1,300,000,000	Phát truyền dẫn tín hiệu
-	Bộ phát tín hiệu quang DAC-3250/OPT	Bộ	1	550,000,000	Truyền dẫn tín hiệu
-	Hệ thống Camera phim trường	Hệ thống	1	6,100,000,000	Phục vụ ghi hình tại phim trường
-	Camera lưu động vác vai	Cái	1	900,000,000	Phục vụ tác nghiệp
-	Bàn trộn âm thanh Mixer	Cái	1	1,350,000,000	Ghi âm thanh cho chương trình phát thanh

-	Server phát sóng (bao gồm lập lịch phát sóng)	Bộ	1	1,000,000,000	Phát sóng tự động
-	Hệ thống lưu trữ trung tâm	Hệ thống	1	960,000,000	Lưu trữ chương trình
-	Hệ thống thu truyền hình lưu động	Hệ thống	1	900,000,000	Thu truyền hình lưu động
-	Hệ thống thiết bị phát sóng truyền hình UHF	Hệ thống	1	14,200,000,000	Phát hình, phát kênh PTP
-	Server phát sóng (bao gồm: Server phát sóng SD/HD, bộ tự động chuyển đổi luồng SDI, bộ máy lập lịch kèm phần mềm lập lịch MPM)	Bộ	1	1,270,000,000	Phát sóng tự động
-	Hệ thống phân phối tín hiệu	Hệ thống	1	1,100,000,000	Phân phối tín hiệu truyền hình
-	Multi viwer 16 đầu vào	Bộ	1	580,000,000	Sản xuất chương trình
-	Hệ thống dựng phi tuyến	Hệ thống	1	2,300,000,000	Dựng sản xuất chương trình truyền hình
-	Thiết bị mạng và lưu trữ trung tâm	Hệ thống	1	1,050,000,000	Sản xuất và lưu trữ chương trình
-	Hệ thống phát thanh, truyền hình trực tiếp	Hệ thống	1	5,800,000,000	Phát thanh, truyền hình trực tiếp
<b>7</b>	<b>Sở Văn hoá - Thể thao và Du lịch</b>				
<b>7.1</b>	<b>Trung tâm phát hành phim và chiếu bóng</b>				
-	Máy chiếu phim 35 Ly	Cái	1		Chiếu phim tại rạp

				800,000,000	
<b>8</b>	<b>Ban Quản lý Khu kinh tế</b>				
<b>8.1</b>	<b>Văn phòng</b>				
-	Hệ thống thiết bị quan trắc liên tục	Hệ thống	1	660,000,000	Đo đạc các chỉ tiêu nước thải (quan trắc tự động)
<b>9</b>	<b>Trường Cao đẳng Y tế</b>				
-	Mô hình bệnh nhân đa năng	Bộ	1	1,900,000,000	Phục vụ hoạt động giảng dạy tại trường

**PHỤ LỤC II:**  
**TIÊU CHUẨN, ĐỊNH MỨC MÁY MÓC, THIẾT BỊ CHUYÊN DỤNG CÓ GIÁ**  
**TỪ 500 TRIỆU ĐỒNG TRỞ LÊN/01 ĐƠN VỊ TÀI SẢN TẠI BỆNH VIỆN ĐA KHOA**  
*(Ban hành kèm theo Quyết định số 770 /QĐ-UBND ngày 17/4 /2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh)*

TT	Tên máy móc, thiết bị	Đơn vị tính	Số lượng tối đa		Mức giá tối đa (đồng)	Văn bản quy định có liên quan (nếu có)
			Bệnh viện Hạng II	Bệnh viện Hạng III và Trung tâm Y tế		
01	Bàn mổ đa năng	Cái	19	17	1,400,000,000	QĐ số 437/QĐ-BYT
02	Bàn nắn xương chỉnh hình đa năng	Chiếc	1	1	910,000,000	QĐ số 1425/QĐ-BYT
03	Bộ dụng cụ cột sống vi phẫu	Bộ	1	0	2,265,000,000	QĐ số 1425/QĐ-BYT
04	Bộ dụng cụ khám khúc xạ	Bộ	2	1	520,000,000	QĐ số 437/QĐ-BYT
05	Bộ dụng cụ nội soi buồng tử cung	Bộ	1	0	1,128,000,000	QĐ số 1425/QĐ-BYT
06	Bộ dụng cụ nội soi lấy dị vật khí quản	Bộ	1	1	700,000,000	
07	Bộ dụng cụ phẫu thuật chấn thương chỉnh hình	Bộ	3	3	500,000,000	QĐ số 437/QĐ-BYT
08	Bộ dụng cụ phẫu thuật chi trên, dưới	Bộ	2	1	1,214,000,000	QĐ số 1425/QĐ-BYT
09	Bộ dụng cụ phẫu thuật cột sống	Bộ	2	0	1,121,000,000	QĐ số 1425/QĐ-BYT
10	Bộ dụng cụ phẫu thuật lồng ngực	Bộ	2	0	1,334,000,000	QĐ số 437/QĐ-BYT
11	Bộ dụng cụ phẫu thuật thần kinh	Bộ	2	0	1,157,000,000	QĐ số 1425/QĐ-BYT
12	Bộ dụng cụ phẫu thuật tim mạch	Bộ	2	0	1,700,000,000	QĐ số 437/QĐ-BYT

13	Bộ dụng cụ PTNS lấy sỏi ống mật chủ	Bộ	1	0	2,890,000,000	QĐ số 1425/QĐ-BYT
14	Bộ dụng cụ soi lấy dị vật ống cứng	Bộ	2	1	961,000,000	QĐ số 1425/QĐ-BYT
15	Bộ dụng cụ vi phẫu mạch máu	Bộ	2	0	2,000,000,000	QĐ số 1425/QĐ-BYT
16	Bộ dụng cụ vi phẫu tai	Bộ	2	0	1,200,000,000	QĐ số 437/QĐ-BYT
17	Bộ dụng cụ vi phẫu thần kinh	Bộ	2	0	2,000,000,000	QĐ số 437/QĐ-BYT
18	Bộ khám điều trị nội soi tai mũi họng	Bộ	1	1	800,000,000	QĐ số 1425/QĐ-BYT
19	Bộ khung vén não	Bộ	1	0	867,000,000	QĐ số 1425/QĐ-BYT
20	Bộ máy & dụng cụ PT nội soi ổ bụng	Bộ	1	0	4,000,000,000	
21	Bộ nội soi dạ dày tá tràng	Bộ	3	2	2,000,000,000	QĐ số 437/QĐ-BYT
22	Bộ nội soi đại tràng	Bộ	2		2,000,000,000	QĐ số 437/QĐ-BYT
23	Bộ nội soi ngoại tổng hợp	Bộ	1	1	4,000,000,000	
24	Bộ nội soi ổ bụng	Bộ	1	0	1,000,000,000	QĐ số 437/QĐ-BYT
25	Bộ phẫu thuật sọ não	Bộ	2	0	900,000,000	QĐ số 437/QĐ-BYT
26	Bộ soi thanh quản	Bộ	4	1	500,000,000	QĐ số 437/QĐ-BYT
27	Bồn chứa ô xy lỏng	Chiếc	2	0	5,000,000,000	QĐ số 1425/QĐ-BYT
28	Bồn tắm bông	Chiếc	1	0	1,816,000,000	QĐ số 1425/QĐ-BYT
29	Cửa xương loại điện	Cái	2	1	600,000,000	QĐ số 437/QĐ-BYT
30	Dàn Real time PCR	Hệ thống	1	0	4,917,000,000	QĐ số 1425/QĐ-BYT
31	Dao cắt đốt cầm máu siêu âm	Chiếc	2	0	1,965,000,000	QĐ số 1425/QĐ-BYT
32	Dao mổ điện	Cái	12	2	2,000,000,000	QĐ số 437/QĐ-BYT
33	Dao mổ siêu âm	Cái	1	1	2,630,000,000	QĐ số 437/QĐ-BYT
34	Dao mổ u não bằng siêu âm	Cái	1	1	2,400,000,000	
35	Đầu đọc kỹ thuật số CR	Cái	1		1,200,000,000	
36	Đèn mổ treo trần	Bộ	15	8	1,400,000,000	QĐ số 437/QĐ-BYT
37	Đèn soi đáy mắt	Cái	5	1	637,000,000	QĐ số 437/QĐ-BYT
38	Điện hóa phát quang miễn dịch	Hệ thống	1	1	2,000,000,000	

39	Dụng cụ tập phục hồi chức năng cơ chi dưới, chi trên,...	Bộ	10	5	500,000,000	
40	Ghế + Bộ dụng cụ khám và điều trị tai mũi họng	Bộ	8	1	500,000,000	QĐ số 437/QĐ-BYT
41	Ghế + Máy khám điều trị răng hàm mặt	Hệ thống	4	1	970,000,000	QĐ số 437/QĐ-BYT
42	Hệ thống cảnh báo liệt tuỷ do phẫu thuật cột sống	Hệ thống	1	0	2,400,000,000	QĐ số 1425/QĐ-BYT
43	Hệ thống chụp cắt lớp vi tính kèm máy bơm thuốc cân quang	Hệ thống	4	0	25,500,000,000	QĐ số 437/QĐ-BYT
44	Hệ thống chụp cộng hưởng từ	Hệ thống	1	0	65,890,000,000	QĐ số 437/QĐ-BYT
45	Hệ thống CT mô phỏng	Cái	1	0	5,000,000,000	QĐ số 437/QĐ-BYT
46	Hệ thống Elisa	Hệ thống	2	1	2,223,000,000	QĐ số 437/QĐ-BYT
47	Hệ thống IVF điều trị vô Sinh	Hệ thống	0	1	4,736,000,000	QĐ số 1425/QĐ-BYT
48	Hệ thống gia tốc xạ phẫu SBRT (VERO) (Bao gồm Phòng đặt thiết bị )	Hệ thống	1		65,000,000,000	
49	Hệ thống giường và khung định vị cho xạ phẫu	Hệ thống	1		2,000,000,000	
50	Hệ thống khí y tế trung tâm	Hệ thống	1	1	22,000,000,000	QĐ số 437/QĐ-BYT
51	Hệ thống là ga trải giường	Hệ thống	1	1	564,000,000	QĐ số 1425/QĐ-BYT
52	Hệ thống lọc nước RO	Hệ thống	2	0	1,050,000,000	QĐ số 437/QĐ-BYT
53	Hệ thống máy giặt vắt sấy	Hệ thống	3	1	1,186,000,000	QĐ số 1425/QĐ-BYT
54	Hệ thống máy hút chân không cho rác thải phóng xạ	Hệ thống	1		3,000,000,000	
55	Hệ thống mô phỏng kết hợp CT/PET (Bao gồm phòng đặt thiết bị)	Hệ thống	1		45,000,000,000	
56	Hệ thống nội soi chẩn đoán phế quản video	Hệ thống	2	0	1,630,000,000	QĐ số 1425/QĐ-BYT
57	Hệ thống phẫu thuật mắt Phaco	Hệ thống	1	0	3,320,000,000	QĐ số 437/QĐ-BYT
58	Hệ thống phẫu thuật nội soi cắt túi	Hệ thống	2	0	4,500,000,000	QĐ số 1425/QĐ-BYT

	mật và ruột thừa					
59	Hệ thống phẫu thuật nội soi khớp gối và khớp vai	Hệ thống	1	0	4,500,000,000	QĐ số 1425/QĐ-BYT
60	Hệ thống phẫu thuật nội soi phụ khoa	Hệ thống	0	1	4,500,000,000	QĐ số 1425/QĐ-BYT
61	Hệ thống phẫu thuật nội soi sản phụ khoa	Hệ thống	0	1	3,500,000,000	
62	Hệ thống phẫu thuật nội soi tai mũi họng	Hệ thống	1	0	2,950,000,000	QĐ số 1425/QĐ-BYT
63	Hệ thống phẫu thuật nội soi thoát vị đĩa đệm	Hệ thống	1	1	2,000,000,000	
64	Hệ thống phẫu thuật nội soi tiết niệu	Hệ thống	4	0	4,500,000,000	QĐ số 1425/QĐ-BYT
65	Hệ thống phẫu thuật tối thiểu thoát vị đĩa đệm, cột sống	Hệ thống	1	0	3,500,000,000	QĐ số 1425/QĐ-BYT
66	Hệ thống rửa tự động khử khuẩn	Hệ thống	1	0	1,816,000,000	QĐ số 1425/QĐ-BYT
67	Hệ thống soi và cắt đốt cổ tử cung chuyên dụng	Hệ thống	0	1	900,000,000	
68	Hệ thống thăm dò điện sinh lý	Hệ thống	1	0	5,412,000,000	QĐ số 1425/QĐ-BYT
69	Hệ thống tiệt trùng bằng công nghệ Plasma	Hệ thống	2	1	3,460,000,000	QĐ số 1425/QĐ-BYT
70	Hệ thống xạ trị trong phẫu thuật (Bao gồm phòng đặt thiết bị)	Hệ thống	1		56,000,000,000	
71	Hệ thống xác định nhóm máu và tìm kháng thể bất thường	Hệ thống	1	1	2,000,000,000	
72	Hệ thống xử lý chất thải rắn y tế	Hệ thống	1	1	3,000,000,000	
73	Hệ thống xử lý nước thải	Hệ thống	1	1	5,000,000,000	
74	Hóa mô miễn dịch tự động	Hệ thống	1	1	1,600,000,000	
75	Khoan xương điện	Cái	2	1	957,000,000	QĐ số 437/QĐ-BYT
76	Khung cố định đầu chuyên cho mổ não	Cái	1	1	600,000,000	

77	Kính hiển vi các loại	Cái	18	5	985,000,000	QĐ số 437/QĐ-BYT
78	Kính hiển vi phẫu thuật khớp	Cái	1	1	1,400,000,000	
79	Kính hiển vi phẫu thuật mắt	Bộ	8	0	7,000,000,000	QĐ số 437/QĐ-BYT
80	Kính hiển vi phẫu thuật tai mũi họng	Bộ	2	0	1,734,000,000	QĐ số 437/QĐ-BYT
81	Kính hiển vi phẫu thuật thần kinh	Cái	1	1	5,500,000,000	
82	Kính hiển vi phẫu thuật thần kinh mạch máu	Chiếc	1	0	3,913,000,000	QĐ số 1425/QĐ-BYT
83	Labo xét nghiệm mô bệnh học gồm: Tủ hút xử lý mẫu, Máy đúc bệnh phẩm, Máy cắt tiêu bản, Máy li tâm, Tủ âm, Bộ bể nhuộm thủ công, Bàn hơ giãn tiêu bản, Tủ + hộp đựng tiêu bản, Máy siêu âm, Máy X-Quang	Hệ thống	1	1	1,200,000,000	
84	Laser Diod	Hệ thống	1	1	5,000,000,000	
85	Laser YAG	Hệ thống	1	1	500,000,000	
86	Máy cắt đốt cầm máu ổ khớp bằng sóng Radio	Cái	1	0	1,371,000,000	
87	Máy cắt đốt tai mũi họng bằng tia Plasma	Chiếc	2	0	900,000,000	QĐ số 1425/QĐ-BYT
88	Máy cắt hút dùng trong phẫu thuật TMH	Cái	1	1	800,000,000	
89	Máy cắt lát vi thể	Cái	2	0	800,000,000	QĐ số 437/QĐ-BYT
90	Máy chụp mạch máu số hoá xoả nền DSA	Hệ thống	1	0	30,000,000,000	QĐ số 437/QĐ-BYT
91	Máy chụp phim Parorama (2 hàm)	Cái	1	1	500,000,000	QĐ số 437/QĐ-BYT
92	Máy chụp X Quang kỹ thuật số	Hệ thống	3	1	9,646,000,000	QĐ số 1425/QĐ-BYT
93	Máy Cobalt 60 điều trị	Cái	1	0	30,000,000,000	QĐ số 437/QĐ-BYT
94	Máy đếm tế bào CD4	Cái	1	1	600,000,000	
95	Máy điện di	Cái	1	0	990,000,000	QĐ số 437/QĐ-BYT

96	Máy điện tim	Cái	26	6	1,000,000,000	QĐ số 437/QĐ-BYT
97	Máy điện tim gắng sức	Bộ	2	0	1,240,000,000	QĐ số 437/QĐ-BYT
98	Máy điều trị ô xy cao áp	Cái	2	0	1,500,000,000	QĐ số 437/QĐ-BYT
99	Máy định danh vi khuẩn	Cái	1	0	2,034,000,000	QĐ số 437/QĐ-BYT
100	Máy định danh vi rút	Cái	1	0	700,000,000	QĐ số 437/QĐ-BYT
101	Máy đo biến thiên điện tích cơ thể	Cái	1	0	500,000,000	QĐ số 437/QĐ-BYT
102	Máy đo các chỉ số niệu học	Cái	1	1	1,656,000,000	
103	Máy đo điện cơ	Cái	3	0	1,182,000,000	QĐ số 437/QĐ-BYT
104	Máy đo điện não	Cái	3	0	1,282,000,000	QĐ số 437/QĐ-BYT
105	Máy đo độ đông máu tự động	Cái	1	0	1,495,000,000	QĐ số 437/QĐ-BYT
106	Máy đo độ loãng xương	Cái	1	0	2,429,000,000	QĐ số 437/QĐ-BYT
107	Máy đo huyết động không xâm lấn	Cái	1	1	1,200,000,000	
108	Máy đo khúc xạ	Cái	4	2	629,000,000	QĐ số 437/QĐ-BYT
109	Máy đo liều hấp thụ tuyến giáp	Cái	1	0	500,000,000	
110	Máy đo liều tia xạ điều trị	Cái	1	0	700,000,000	QĐ số 437/QĐ-BYT
111	Máy đo liều tia xạ phòng hộ	Cái	1	0	700,000,000	QĐ số 437/QĐ-BYT
112	Máy đo nồng độ troponin -I-T tại giường	Cái	10	0	500,000,000	
113	Máy đo OAE( máy đo âm điện ốc tai)	Cái	1	1	500,000,000	
114	Máy đo thị lực	Cái	4	1	970,000,000	QĐ số 437/QĐ-BYT
115	Máy đo tuần hoàn não	Cái	1	0	900,000,000	QĐ số 437/QĐ-BYT
116	Máy đọc kháng sinh đồ tự động	Cái	1		2,034,000,000	
117	Máy gây mê	Cái	19	4	1,749,000,000	QĐ số 437/QĐ-BYT
118	Máy giặt	Hệ thống	4	1	800,000,000	QĐ số 437/QĐ-BYT
119	Máy Holter theo dõi tim mạch 24h/24h	Cái	8	0	579,000,000	QĐ số 1425/QĐ-BYT
120	Máy kéo giãn	Cái	3	1	560,000,000	QĐ số 437/QĐ-BYT
121	Máy khoan cắt xương bào xoang tai mũi họng	Chiếc	1	0	564,000,000	QĐ số 1425/QĐ-BYT

122	Máy khoan cắt xương lớn đa năng	Chiếc	2	0	1,115,000,000	QĐ số 1425/QĐ-BYT
123	Máy khoan đa năng dùng trong sọ não và cột sống	Cái	1	1	500,000,000	
124	Máy khoan tai chuyên dụng	Cái	1	1	600,000,000	
125	Máy khoan xương cao tốc cho Phẫu thuật thần kinh, cột sống kèm máy bào cột sống	Chiếc	1	0	1,691,000,000	QĐ số 1425/QĐ-BYT
126	Máy khoan xương vi phẫu bàn tay và hàm mặt & tai mũi họng	Chiếc	2	0	861,000,000	QĐ số 1425/QĐ-BYT
127	Máy lấy da ghép	Cái	1	1	689,000,000	
128	Máy lọc máu liên tục	Cái	3	0	1,466,000,000	QĐ số 1425/QĐ-BYT
129	Máy lọc thận nhân tạo	Cái	30	0	816,000,000	QĐ số 437/QĐ-BYT
130	Máy ly tâm	Cái	4	2	1,392,000,000	QĐ số 437/QĐ-BYT
131	Máy nhuộm tiêu bản	Cái	3	1	1,200,000,000	QĐ số 437/QĐ-BYT
132	Máy nội soi trực tràng	Cái	1	1	1,700,000,000	QĐ số 437/QĐ-BYT
133	Máy phân tích acid amin	Cái	1	1	2,400,000,000	
134	Máy phân tích đàn hồi đồ cục máu đông	Cái	1		2,200,000,000	
135	Máy phân tích HBA1C	Cái	1	1	5,000,000,000	
136	Máy phân tích huyết học tự động	Cái	1	1	2,470,000,000	QĐ số 437/QĐ-BYT
137	Máy phân tích khí máu	Cái	1	1	950,000,000	QĐ số 437/QĐ-BYT
138	Máy phân tích miễn dịch tự động	Cái	1	0	3,964,000,000	QĐ số 1425/QĐ-BYT
139	Máy phân tích sinh hoá tự động	Cái	1	1	2,900,000,000	QĐ số 437/QĐ-BYT
140	Máy phát hiện ký sinh trùng sốt rét	Cái	1	0	14,000,000,000	QĐ số 437/QĐ-BYT
141	Máy rửa quả lọc thận	Cái	4	0	568,000,000	QĐ số 1425/QĐ-BYT
142	Máy sấy đồ vải	Cái	3	1	600,000,000	QĐ số 437/QĐ-BYT
143	Máy siêu âm mắt	Cái	1	1	700,000,000	QĐ số 437/QĐ-BYT
144	Máy siêu âm màu	Cái	10	1	2,200,000,000	QĐ số 437/QĐ-BYT
145	Máy siêu âm thần kinh cơ	Cái	1		1,200,000,000	
146	Máy siêu âm trắng đen	Cái	4	3	900,000,000	QĐ số 437/QĐ-BYT

147	Máy siêu âm xách tay	Cái	3	1	690,000,000	QĐ số 437/QĐ-BYT
148	Máy sốc điện	Cái	20	6	550,000,000	QĐ số 437/QĐ-BYT
149	Máy soi cổ tử cung	Cái	1	1	500,000,000	QĐ số 437/QĐ-BYT
150	Máy soi mũi xoang	Cái	1	1	650,000,000	QĐ số 437/QĐ-BYT
151	Máy soi thực quản ống cứng	Cái	1	0	1,800,000,000	QĐ số 437/QĐ-BYT
152	Máy soi thực quản ống mềm	Cái	1	0	900,000,000	QĐ số 437/QĐ-BYT
153	Máy tách các thành phần máu	Chiếc	1	0	1,990,000,000	QĐ số 1425/QĐ-BYT
154	Máy tán sỏi ngoài cơ thể	Hệ thống	2	0	9,868,000,000	QĐ số 1425/QĐ-BYT
155	Máy tán sỏi niệu quản	Chiếc	1	0	3,000,000,000	QĐ số 1425/QĐ-BYT
156	Máy tán thuốc	Cái	1	2	500,000,000	QĐ số 437/QĐ-BYT
157	Máy thở các loại	Cái	55	13	900,000,000	QĐ số 437/QĐ-BYT
158	Máy thở CPAP	Cái	2	2	700,000,000	
159	Máy tim phổi nhân tạo	Cái	2	0	3,345,000,000	QĐ số 437/QĐ-BYT
160	Máy trị xạ áp sát liều cao	Cái	1	0	25,000,000,000	QĐ số 437/QĐ-BYT
161	Máy trị xạ áp sát liều thấp	Cái	1	0	16,200,000,000	QĐ số 437/QĐ-BYT
162	Máy ướp xác	Cái	3	1	972,000,000	QĐ số 437/QĐ-BYT
163	Máy vang não dò	Cái	1	1	500,000,000	
164	Máy X Quang nhũ ảnh	Cái	1	0	3,500,000,000	QĐ số 437/QĐ-BYT
165	Máy X Quang thường quy	Hệ thống	4	1	4,183,000,000	QĐ số 437/QĐ-BYT
166	Máy xạ hình SPECT hai đầu thu	Hệ thống	1	0	7,069,000,000	
167	Máy X-Quang C-arm	Chiếc	2	0	5,645,000,000	QĐ số 1425/QĐ-BYT
168	Máy X-Quang di động	Cái	6	1	1,269,000,000	QĐ số 1425/QĐ-BYT
169	Máy xét nghiệm (NAT) sàng lọc máu kỹ thuật gen	Cái	1		2,100,000,000	
170	Máy xét nghiệm kháng thể bất thường	Cái	1		2,000,000,000	
171	Máy xử lý mô tự động	Cái	1	0	1,000,000,000	
172	Monitor trung tâm	Hệ thống	2	2	2,200,000,000	QĐ số 437/QĐ-BYT
173	Nồi hấp tiệt trùng	Chiếc	20	3	3,500,000,000	QĐ số 437/QĐ-BYT

174	Ống soi đường mật trong mô	Bộ	1	0	900,000,000	QĐ số 1425/QĐ-BYT
175	Ống soi tá tràng + Bộ dụng cụ phẫu thuật nội soi lấy sỏi mật tụy ngược dòng (ERCP)	Bộ	1	0	3,285,000,000	QĐ số 1425/QĐ-BYT
176	Thiết bị định vị (Navigation) dành cho phẫu thuật và các phần mềm cho phẫu thuật thần kinh, cột sống và TMH	Chiếc	1	0	9,020,000,000	QĐ số 1425/QĐ-BYT
177	Thiết bị mô nội soi ổ bụng có monitor	Hệ thống	2	1	4,000,000,000	QĐ số 437/QĐ-BYT
178	Thiết bị phẫu thuật mắt Exzimer	Hệ thống	3	0	15,000,000,000	QĐ số 437/QĐ-BYT
179	Thiết bị phẫu thuật nội soi và dụng cụ phẫu thuật nội soi khác	Bộ	3	1	5,000,000,000	QĐ số 437/QĐ-BYT
180	Thiết bị sắc thuốc, đóng gói tự động	Cái	4	2	500,000,000	QĐ số 437/QĐ-BYT
181	Thiết bị soi ối	Cái	0	1	500,000,000	QĐ số 437/QĐ-BYT
182	Thiết bị tán sỏi mật	Bộ	1	0	1,780,000,000	QĐ số 437/QĐ-BYT
183	Trạm lưu trữ và xử lý hình ảnh, dữ liệu	Cái	1	1	2,000,000,000	
184	Tủ an toàn sinh học cấp II	Cái	1	1	650,000,000	
185	Tủ cấy máu	Chiếc	1	1	1,775,000,000	QĐ số 1425/QĐ-BYT
186	Tủ đông sâu	Cái	3	1	691,000,000	QĐ số 437/QĐ-BYT
187	Tủ lạnh trữ máu, bảo quản máu	Cái	6	1	1,460,000,000	QĐ số 437/QĐ-BYT